



AN TÂM SONG HÀNH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CƠ BẢN

Bảo vệ 25 năm với Số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng



BẢO VỆ TÀI CHÍNH GIA ĐÌNH TRƯỚC RỦI RO

- **Nhận giá trị lớn hơn giữa 500.000.000 đồng hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng**
Bảo vệ tài chính khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 100.000.000 đồng hoặc 250.000.000 đồng**
Bảo vệ tài chính khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Lên đến 30.000.000 đồng**
Chu toàn hậu sự khi tử vong.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí**
Bảo vệ thêm một người thân với quyền lợi bảo hiểm tai nạn mà không tăng phí



TÍCH LŨY TƯƠNG LAI VỮNG CHẮC

- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
 - **Nhận 75.119.600 đồng**
Tổng Thường Duy trì hợp đồng và Thường Gắn bó dài lâu.
 - **Nhận 610.491.200 đồng**
Đáo hạn hợp đồng.
- Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư 6%/năm.*



Quét QR code ngay để tận hưởng tiện ích **Dai-ichi Connect** giúp quản lý hợp đồng hiệu quả và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhanh chóng.



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và các Giấy phép điều chỉnh khác với vốn điều lệ gần 9.800 tỷ VNĐ.

Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Điện thoại: (028) 3810 0888

☎ Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://www.dai-ichi-life.com.vn>

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp	
Người được bảo hiểm chính	NĐBH.1	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Công ty TNHH Một Thành Viên Ánh Sáng	Công ty		

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Người được bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu (đồng/năm)
Sản phẩm chính: Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành	NĐBH.1	25	500.000.000	8.975.000
Sản phẩm bổ trợ:				
- BH Tai Nạn Cao Cấp	NĐBH.1	25	2.500.000.000	8.000.000
- BH Hỗ Trợ Viện Phí	NĐBH.1	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	17.200.000	8.600.000	4.300.100
Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm chính	8.975.000	4.487.500	2.243.800
Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ trợ	8.225.000	4.112.500	2.056.300
Phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu	2.800.000		
Tổng phí bảo hiểm dự kiến năm đầu	20.000.000		

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

GTTKHD: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do tai nạn	Nhận giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHD.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHD.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Tăng bảo vệ các sự kiện đặc biệt	NĐBH chính kết hôn/ sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/ 2/ 3, Cao đẳng hoặc Đại học	Yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI											
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng/giảm nhưng mọi trường hợp sẽ không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:												
	<table><thead><tr><th>Năm hợp đồng</th><th>1</th><th>2 - 10</th><th>11 - 15</th><th>16 - 25</th><th>Từ năm thứ 26 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)</td><td>3%</td><td>2%</td><td>1%</td><td>0,50%</td><td>0,25%</td></tr></tbody></table>	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi								
Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%								
Quyền lợi Thương duy trì hợp đồng	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và đều đặn vào mỗi 2 năm sau đó	Nhận 2% GTTKHD trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.											
Quyền lợi Thương Gắn bó dài lâu	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20	Nhận 10% GTTKHD trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.											
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm	Nhận 100% GTTKHD.											

Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ TUỔI NDBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
1 34	20.000	500.000	2.500.100							
2 35	20.000	500.000	2.500.100		4.045		4.287		4.449	
3 36	20.000	500.000	2.500.100		10.824		11.447		11.846	
4 37	20.000	500.000	2.500.100	375	18.877	389	20.104	398	20.882	
5 38	20.000	500.000	2.500.100		28.380		30.468		31.796	
6 39	20.000	500.000	2.500.100	756	40.012	800	43.316	829	45.431	
7 40	20.000	500.000	2.500.100		51.043		55.868		58.984	
8 41	20.000	500.000	2.500.100	1.209	63.365	1.309	70.160	1.374	74.593	
9 42	20.000	500.000	2.500.100		74.643		83.714		89.699	
10 43	20.000	500.000	2.500.100	5.807	91.864	6.339	104.138	6.687	112.328	
11 44	20.000	500.000	2.500.100		102.496		119.096		129.595	
12 45	20.000	500.000	2.500.100	2.237	115.380	2.576	137.238	2.790	150.637	
13 46	20.000	500.000	2.500.100		126.019		153.519		170.070	
14 47	20.000	500.000	2.500.100	2.708	139.380	3.266	173.747	3.602	194.245	
15 48	20.000	500.000	2.500.100		150.087		191.597		216.280	
16 49	20.000	500.000	2.500.100	3.185	163.163	4.029	214.245	4.529	244.173	
17 50	20.000	500.000	2.500.100		173.030		233.889		269.271	
18 51	20.000	500.000	2.500.100	3.647	186.404	4.877	259.216	5.592	301.455	
19 52	20.000	500.000	2.500.100		196.091		280.849		330.112	
20 53	20.000	500.000	2.500.100	19.992	225.666	26.386	329.867	30.140	390.762	
21 54	20.000	500.000	2.500.100		235.439		355.040		425.423	
22 55	20.000	500.000	2.500.100	4.895	250.015	7.306	388.796	8.727	471.213	
23 56	20.000	500.000	2.500.100		259.621		416.990		511.458	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
24 57	20.000	500.000	2.500.100	5.379	274.526	8.549	455.292	10.452	564.606	
25 58	20.000	500.000	2.500.100		284.080		487.269		610.491	
Tổng cộng	500.000			50.190		65.827		75.120		

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
1	20.000	17.200	2.800	4.988	2.056	554	1.020	7.390			225
2	20.000	17.200	2.800	9.027	5.758	598	1.067	7.390			225
3	20.000	17.200	2.800	9.475	6.169	645	1.125	7.390			225
4	20.000	17.200	2.800	9.924	6.580	694	1.189	7.390			225
5	20.000	17.200	2.800	10.822	7.403	720	1.253	7.390			225
6	20.000	17.200	2.800	11.478	7.978	720	1.325	7.390			225
7	20.000	17.200	2.800	11.478	7.978	720	1.402	7.390			225
8	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.484	7.444			290
9	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.564	7.444			290
10	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.653	7.444			290
11	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.719	7.444			290
12	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.811	7.444			290
13	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	1.894	7.494			350
14	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	1.987	7.494			350
15	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.065	7.494			350
16	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.168	7.494			350
17	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.257	7.494			350
18	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	2.386	7.553			420
19	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	2.493	7.553			420
20	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	2.645	7.553			420
21	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	2.603	7.553			420
22	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	2.743	7.553			420

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
23	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	2.822	7.620			500
24	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	2.949	7.620			500
25	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	2.995	7.620			500

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giá trị hoàn	Cam kết	-	-	-	5.977	15.480	27.112	40.723	56.459	71.190
lại tại các	4,5%/năm	-	-	-	7.204	17.568	30.416	45.548	63.254	80.261
mức lãi suất	6%/năm	-	-	-	7.982	18.896	32.531	48.664	67.687	86.246

Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi. Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Tổng số phí đóng dự kiến: **500.000.000 đồng**
Tổng tiền rút ra dự kiến: **0 đồng**

SỐ TIỀN NHẬN KHI ĐÁO HẠN

Tại mức lãi suất đầu tư giả định 6%: **610.491.200 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 4,5%: **487.268.600 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư cam kết: **284.080.200 đồng**

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Các giá trị nêu trong các Bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
- “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là khách hàng rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm hỗ trợ tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Bên mua bảo hiểm cần đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Tôi đồng ý rằng việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị hoàn lại (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.
- Cột Phí bảo hiểm sản phẩm hỗ trợ thay đổi theo định kỳ năm chỉ thể hiện cho (các) sản phẩm có phí bảo hiểm thay đổi hàng năm theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

CÁC LOẠI PHÍ

- **Phí ban đầu**
(Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ trợ)

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%

- **Phí bảo hiểm rủi ro**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.

- **Phí quản lý hợp đồng**

Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:

Năm dương lịch	2023	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000

- **Phí quản lý quỹ**

Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/ năm để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn**

Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

- **Phí rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng**

Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ. Tỷ lệ phí rút một phần GTTKHĐ bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc TTTBVV do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/ đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/ đợt nằm viện và 50 ngày/ năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/ đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/ phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/ đợt nằm viện, 5 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
<i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.</i>		

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bổ trợ để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa này.

2- Tôi đã hiểu rõ rằng:

- Tài liệu minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
- Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa này.
- Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.

3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.

4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Ngày ký: ____ / ____ / ____

Chữ ký: _____

Họ và tên BMBH: Công ty TNHH Một Thành Viên Ánh Sáng

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa này cũng như các nội dung của Quy tắc & Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Ngày ký: ____ / ____ / ____

Chữ ký: _____

Họ và tên TVTC: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Văn phòng của TVTC: PA

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.



AN TÂM SONG HÀNH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÂNG CAO

Bảo vệ 25 năm với Số tiền bảo hiểm 500.000.000 đồng



BẢO VỆ TÀI CHÍNH GIA ĐÌNH TRƯỚC RỦI RO

- **Nhận 500.000.000 đồng cộng giá trị Tài khoản hợp đồng**
Bảo vệ tài chính khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 100.000.000 đồng hoặc 250.000.000 đồng**
Bảo vệ tài chính khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Lên đến 30.000.000 đồng**
Chu toàn hậu sự khi tử vong.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí**
Bảo vệ thêm một người thân với quyền lợi bảo hiểm tai nạn mà không tăng phí



TÍCH LŨY TƯƠNG LAI VỮNG CHẮC

- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 71.493.800 đồng**
Tổng Thưởng Duy trì hợp đồng và Thưởng Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 541.709.100 đồng**
Đáo hạn hợp đồng.
Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư 6%/năm.



Quét QR code ngay để tận hưởng tiện ích **Dai-ichi Connect** giúp quản lý hợp đồng hiệu quả và yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nhanh chóng.



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH-ĐT cấp ngày 12/10/1999 và các Giấy phép điều chỉnh khác với vốn điều lệ gần 9.800 tỷ VNĐ.

Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 – 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Điện thoại: (028) 3810 0888

☎ Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://www.dai-ichi-life.com.vn>

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp	
Người được bảo hiểm chính	NĐBH.1	Nguyễn Văn A	Nam	34	1
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Công ty TNHH Một Thành Viên Ánh Sáng	Công ty		

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Người được bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm ban đầu (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu (đồng/năm)
Sản phẩm chính: Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành	NĐBH.1	25	500.000.000	8.975.000
Sản phẩm bổ trợ:				
- BH Tai Nạn Cao Cấp	NĐBH.1	25	2.500.000.000	8.000.000
- BH Hỗ Trợ Viện Phí	NĐBH.1	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản ban đầu	17.200.000	8.600.000	4.300.100
Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm chính	8.975.000	4.487.500	2.243.800
Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ trợ	8.225.000	4.112.500	2.056.300
Phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu	2.800.000		
Tổng phí bảo hiểm dự kiến năm đầu	20.000.000		

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM
BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

GTTKHĐ: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do tai nạn	Nhận 500.000.000 đồng cộng GTTKHĐ hoặc giá trị lớn hơn của 500.000.000 đồng và GTTKHĐ nếu tử vong xảy ra từ tuổi 70 trở đi.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	NĐBH chính tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận 500.000.000 đồng cộng GTTKHĐ.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn trước tuổi 66	Thêm 100.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do tai nạn đặc biệt trước tuổi 66	Thêm 250.000.000 đồng.
QLBH Tăng bảo vệ các sự kiện đặc biệt	NĐBH chính kết hôn/ sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/ 2/ 3, Cao đẳng hoặc Đại học	Yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần thẩm định lại sức khỏe.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	SỰ KIỆN	QUYỀN LỢI											
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung. Lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng/giảm nhưng mọi trường hợp sẽ không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:												
	<table><thead><tr><th>Năm hợp đồng</th><th>1</th><th>2 - 10</th><th>11 - 15</th><th>16 - 25</th><th>Từ năm thứ 26 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)</td><td>3%</td><td>2%</td><td>1%</td><td>0,50%</td><td>0,25%</td></tr></tbody></table>	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi								
Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%								
Quyền lợi Thương duy trì hợp đồng	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và đều đặn vào mỗi 2 năm sau đó	Nhận 2% GTTKHĐ trung bình của 24 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.											
Quyền lợi Thương Gắn bó dài lâu	Vào ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20	Nhận 10% GTTKHĐ trung bình của 120 tháng liền kề trước thời điểm xem xét tương ứng.											
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm	Nhận 100% GTTKHĐ.											

Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm.

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ TUỔI NDBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
1 34	20.000	500.000	2.500.100							
2 35	20.000	500.000	2.500.100		4.022		4.263		4.424	
3 36	20.000	500.000	2.500.100		10.765		11.385		11.781	
4 37	20.000	500.000	2.500.100	373	18.758	388	19.977	397	20.750	
5 38	20.000	500.000	2.500.100		28.170		30.241		31.558	
6 39	20.000	500.000	2.500.100	752	39.668	796	42.938	824	45.031	
7 40	20.000	500.000	2.500.100		50.516		55.282		58.359	
8 41	20.000	500.000	2.500.100	1.198	62.588	1.297	69.284	1.361	73.652	
9 42	20.000	500.000	2.500.100		73.557		82.471		88.351	
10 43	20.000	500.000	2.500.100	5.745	90.328	6.268	102.355	6.611	110.379	
11 44	20.000	500.000	2.500.100		100.476		116.692		126.942	
12 45	20.000	500.000	2.500.100	2.196	112.741	2.527	134.017	2.736	147.048	
13 46	20.000	500.000	2.500.100		122.684		149.342		165.371	
14 47	20.000	500.000	2.500.100	2.640	135.161	3.181	168.328	3.506	188.087	
15 48	20.000	500.000	2.500.100		144.900		184.760		208.433	
16 49	20.000	500.000	2.500.100	3.080	156.779	3.890	205.572	4.369	234.116	
17 50	20.000	500.000	2.500.100		165.368		223.154		256.691	
18 51	20.000	500.000	2.500.100	3.491	177.115	4.658	245.801	5.336	285.571	
19 52	20.000	500.000	2.500.100		185.078		264.450		310.486	
20 53	20.000	500.000	2.500.100	19.176	211.857	25.227	308.756	28.775	365.258	
21 54	20.000	500.000	2.500.100		219.151		329.378		394.087	
22 55	20.000	500.000	2.500.100	4.565	230.571	6.785	357.227	8.090	432.245	
23 56	20.000	500.000	2.500.100		236.907		378.955		464.010	

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

NĂM HĐ TUỔI NĐBH	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	GIÁ TRỊ MINH HỌA ĐẢM BẢO TẠI LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				GIÁ TRỊ MINH HỌA KHÔNG ĐẢM BẢO TẠI CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐẦU TƯ				KHOẢN TIỀN RÚT RA DỰ KIẾN
		Cam kết				4,5%/năm		6%/năm		
		STBH của sản phẩm chính	Tổng STBH của sản phẩm bổ trợ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản HĐ	
24 57	20.000	500.000	2.500.100	4.919	247.659	7.778	408.892	9.491	506.621	
25 58	20.000	500.000	2.500.100		252.974		431.815		541.709	
Tổng cộng	500.000			48.135		62.794		71.494		

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
1	20.000	17.200	2.800	4.988	2.056	554	1.025	7.390			225
2	20.000	17.200	2.800	9.027	5.758	598	1.085	7.390			225
3	20.000	17.200	2.800	9.475	6.169	645	1.160	7.390			225
4	20.000	17.200	2.800	9.924	6.580	694	1.246	7.390			225
5	20.000	17.200	2.800	10.822	7.403	720	1.340	7.390			225
6	20.000	17.200	2.800	11.478	7.978	720	1.450	7.390			225
7	20.000	17.200	2.800	11.478	7.978	720	1.576	7.390			225
8	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.710	7.444			290
9	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	1.855	7.444			290
10	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	2.015	7.444			290
11	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	2.185	7.444			290
12	20.000	17.265	2.735	11.413	8.041	720	2.365	7.444			290
13	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.560	7.494			350
14	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.765	7.494			350
15	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	2.986	7.494			350
16	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	3.230	7.494			350
17	20.000	17.325	2.675	11.354	8.100	720	3.500	7.494			350
18	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	3.815	7.553			420
19	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	4.165	7.553			420
20	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	4.565	7.553			420
21	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	5.005	7.553			420
22	20.000	17.395	2.605	11.285	8.167	720	5.480	7.553			420

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ

NĂM HĐ	TỔNG PHÍ BH DỰ KIẾN	PHÍ BẢO HIỂM CƠ BẢN	PHÍ BẢO HIỂM ĐÓNG THÊM	PHÍ BẢO HIỂM ĐƯỢC PHÂN BỐ		PHÍ QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG	PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO (Tại mức lãi suất đầu tư cam kết)		PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM BỔ TRỢ THAY ĐỔI THEO ĐỊNH KỲ NĂM		
				Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ		Sản phẩm chính	Sản phẩm bổ trợ	Hỗ trợ chi phí chữa trị Bệnh nan y	Chăm sóc sức khỏe toàn cầu	Hỗ trợ viện phí
23	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	5.986	7.620			500
24	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	6.520	7.620			500
25	20.000	17.475	2.525	11.206	8.245	720	7.090	7.620			500

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

Giá trị hoàn lại là số tiền khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian hợp đồng có hiệu lực. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại.

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm hợp đồng		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giá trị hoàn	Cam kết	-	-	-	5.858	15.270	26.768	40.196	55.682	70.104
lại tại các	4,5%/năm	-	-	-	7.077	17.341	30.038	44.962	62.378	79.018
mức lãi suất	6%/năm	-	-	-	7.850	18.658	32.131	48.039	66.746	84.898

Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi. Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

Tổng số phí đóng dự kiến: **500.000.000 đồng**
Tổng tiền rút ra dự kiến: **0 đồng**

SỐ TIỀN NHẬN KHI ĐÁO HẠN

Tại mức lãi suất đầu tư giả định 6%: **541.709.100 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư giả định 4,5%: **431.815.100 đồng**
Tại mức lãi suất đầu tư cam kết: **252.973.700 đồng**

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Các giá trị nêu trong các Bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình.
- “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là khách hàng rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng. Khoản tiền rút từ giá trị Tài khoản hợp đồng có thể làm ảnh hưởng đến Số tiền bảo hiểm của sản phẩm chính và dẫn đến thay đổi sản phẩm hỗ trợ tương ứng (thay đổi Số tiền bảo hiểm hoặc chấm dứt hiệu lực).
- Bên mua bảo hiểm cần đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Tôi đồng ý rằng việc kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng có thể dẫn đến chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam sẽ chi trả Giá trị hoàn lại (nếu có) và không chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào, không hoàn trả bất cứ khoản phí đã đóng nào.
- Cột Phí bảo hiểm sản phẩm hỗ trợ thay đổi theo định kỳ năm chỉ thể hiện cho (các) sản phẩm có phí bảo hiểm thay đổi hàng năm theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm.

CÁC LOẠI PHÍ

<ul style="list-style-type: none">Phí ban đầu (Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ trợ)	<p>Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. với tỷ lệ sau:</p> <table border="1"><thead><tr><th>Năm phí bảo hiểm</th><th>1</th><th>2</th><th>3</th><th>4</th><th>5</th><th>6+</th></tr></thead><tbody><tr><td>% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)</td><td>75%</td><td>30%</td><td>25%</td><td>20%</td><td>10%</td><td>3%</td></tr><tr><td>% Phí bảo hiểm đóng thêm</td><td colspan="5">2%</td><td>1%</td></tr></tbody></table>	Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+	% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%	% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%
Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+																
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%																
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%																
<ul style="list-style-type: none">Phí bảo hiểm rủi ro	<p>Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.</p>																					
<ul style="list-style-type: none">Phí quản lý hợp đồng	<p>Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng mỗi tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ, theo bảng sau:</p> <table border="1"><thead><tr><th>Năm dương lịch</th><th>2023</th><th>2024</th><th>2025</th><th>2026</th><th>2027</th><th>2028+</th></tr></thead><tbody><tr><td>Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)</td><td>42.500</td><td>45.900</td><td>49.500</td><td>53.400</td><td>57.600</td><td>60.000</td></tr></tbody></table>	Năm dương lịch	2023	2024	2025	2026	2027	2028+	Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000							
Năm dương lịch	2023	2024	2025	2026	2027	2028+																
Phí quản lý hợp đồng (đồng/ tháng)	42.500	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000																
<ul style="list-style-type: none">Phí quản lý quỹ	<p>Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/ năm để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.</p>																					
<ul style="list-style-type: none">Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	<p>Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:</p> <table border="1"><thead><tr><th>Năm hợp đồng</th><th>1 - 3</th><th>4 - 6</th><th>7</th><th>8</th><th>9</th><th>Từ năm thứ 10 trở đi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Tỷ lệ Phí</td><td>90%</td><td>75%</td><td>60%</td><td>40%</td><td>20%</td><td>0%</td></tr></tbody></table>	Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi	Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%							
Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi																
Tỷ lệ Phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%																
<ul style="list-style-type: none">Phí rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng	<p>Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ. Tỷ lệ phí rút một phần GTTKHĐ bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.</p>																					

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc TTTBVV do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/ đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/ phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/ đợt nằm viện và 50 ngày/ năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/ đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/ phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/ đợt nằm viện, 5 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/ năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
<i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.</i>		

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bổ trợ để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi nêu trên.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã đọc và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa này.
- 2- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết luận thẩm định và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 3- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia bảo hiểm.
- 4- Tôi đồng ý tham gia sản phẩm này và phải đọc kỹ nội dung Quy tắc và Điều khoản sản phẩm ngay khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành.

Ngày ký: ____ / ____ / ____

Chữ ký: _____

Họ và tên BMBH: Công ty TNHH Một Thành Viên Ánh Sáng

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi ký tên dưới đây xác nhận và cam kết đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu bên về chi tiết của Tài liệu minh họa này cũng như các nội dung của Quy tắc & Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

Ngày ký: ____ / ____ / ____

Chữ ký: _____

Họ và tên TVTC: Product Dummy Agent

Mã số: 158424

Văn phòng của TVTC: PA

TÀI LIỆU MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG VÀ CÁC TRANG CÓ CÙNG SỐ TÀI LIỆU MINH HỌA.